

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2019

V/v “Ly hôn, giao nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Hồng

2. Ông: Hà Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát Viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về Vệc “Ly hôn, giao nuôi cn chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thế H, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2019, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà T và ông Trần Thế H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T huyện B(cũ), nay là huyện H, tỉnh Bình Phước; có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại tổ 8, ấp X, xã T cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc

được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày một kéo dài và trầm trọng hơn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn, thường xuyên mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông H để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa bà T và ông H có 02 con chung tên: Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1996 và Trần Thế V, sinh năm 2008; nay ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Thế V; đối với con chung Trần Thị Tuyết V đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên số tiền 3.000.000 đồng/tháng nhưng tại phiên tòa bà T rút yêu cầu cấp dưỡng; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra để giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2019 ông Trần Thế H trình bày:

Thống nhất như trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông H cũng đồng ý giao con chung tên Trần Thế V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; đối với con chung Trần Thị Tuyết V đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra để giải quyết.

Do điều kiện công Việc nên ông H yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về Việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; bị đơn không tham gia hòa giải, xét xử nhưng có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bích T

và ông Trần Thế H theo các bên trình bày thì xác định đã mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống; quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông H xin vắng mặt, chứng minh ông H không còn tình cảm vợ chồng với bà T và bà T yêu cầu ly hôn ông H cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung: các đương sự khai quá trình chung sống vợ chồng giữa bà T và ông H có 02 con chung tên Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1996 và Trần Thế V, sinh năm 2008. Nay ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Trần Thế V, sinh năm 2008 và được ông H đồng ý nên đề nghị ghi nhận. Đối với con chung Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/ tháng nhưng sau đó và tại phiên tòa bà T rút yêu cầu này nên đề nghị đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thế H, ông H có nơi cư trú tại tổ 8, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Sau khi thụ lý vụ án, ông H cung cấp bản tự khai, sau đó ông H có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt ông nên tòa án đã tiến hành lập biên bản về Việc hòa giải không được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay ông H không có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông Trần Thế H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã T huyện B(cũ), nay là huyện H, tỉnh Bình Phước; có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên

gia đình là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Bích T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; trong bản tự khai của ông H gửi tòa án cũng xác nhận như nội dung bà T trình bày; bà T yêu cầu ly hôn thì ông H cũng đồng ý. Xét thấy: bà T yêu cầu được ly hôn với ông H vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và ông H cũng đồng ý, thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Thế H; cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] *Về con chung*: các đương sự khai quá trình chung sống vợ chồng giữa bà T và ông H có 02 con chung tên Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1996 và Trần Thế V, sinh năm 2008. Nay ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Trần Thế V, sinh năm 2008 và được ông H đồng ý. Xét thấy đây là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung Trần Thế V, sinh năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Đối với con chung Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] *Về cấp dưỡng*: Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/ tháng nhưng sau đó và tại phiên tòa bà T rút yêu cầu này nên cần đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81,82,83,84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Trần Thế H. Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Trần Thế H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 25/5/1995 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Sông Bé (nay là UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước) không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần Thế V, sinh năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1996 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành Viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng Việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. *Về cấp dưỡng:* Ông Nguyễn Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích T về yêu cầu cấp dưỡng do rút yêu cầu.

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

5. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005292 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. *Quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đường sự;
- Nơi cấp GDK kết hôn;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*(Đã ký)***Nguyễn Đình Học**